CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NGHỆ AN
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NGHỆ AN
DN: C=VN, S=NGHỆ AN, L=Tp.Vinh, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NGHỆ AN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2900324579
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-04-18 14:56:09

CNT55PA2CR L2698-40004

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 15

CNT55PA2CR_L2898-60004

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 2900324579 ngày 25/04/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp, và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 25/05/2017.

Theo Giấy chứng nhân đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9, vốn điều lệ của Công ty là 42.816.000.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty: Số 2, đường Lê Hồng Phong, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.	Trần Văn Quế	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2.	Phan Xuân Sơn	Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phan Xuân Sơn
Giám đốc
Ngày 19 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K - CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Trụ sở chính: Số 6, ngõ 92, phố Kim Giang, P. Kim Giang, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

VPGD : Phòng A1205, Tòa nhà Xuân Mai, Khu hành chính mới quận Hà Đông, TP Hà Nội

SỐ: /2018 /BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19/03/2018, từ trang 04 đến trang 15, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày 31/12/2017 nên chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2017. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Tại ngày 31/12/2017, Công ty đã thực hiện đối chiếu số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả tuy nhiên giá trị đối chiếu chưa được thực hiện đầy đủ.

Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Bột đá Vôi trắng Siêu mịn Nghệ An và Công ty Cổ phần Muối và Thương mại Nghệ An là công ty con đều lỗ. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty con năm 2017.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính .

M.S.C.N: 0104779158-027-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG T.D.K CHI NHÁNH MIỀN BẮC
Q. THANH XUÂN - T.P HÀ NỘI

Vũ Kim Hồng	**Vũ Thị Lê Anh**
Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3703-2016-045-1	Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1908-2018-045-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ

THĂNG LONG - T.D.K - CN MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**192.968.156.942**	**439.970.240.827**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**2.085.170.854**	**1.527.698.330**
1. Tiền	111		2.085.170.854	1.527.698.330
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**400.000.000**	**400.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**180.425.372.002**	**405.752.617.521**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	110.903.276.253	30.777.215.831
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	63.986.320.864	72.732.924.090
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		5.535.774.885	302.242.477.600
IV. Hàng tồn kho	**140**		**8.436.020.727**	**30.172.928.478**
1. Hàng tồn kho	141	8	8.436.020.727	30.172.928.478
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.621.593.359**	**2.116.996.498**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		658.770.351	1.166.240.939
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		12.067.449	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		950.755.559	950.755.559
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**151.501.386.067**	**145.832.029.201**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**28.292.733.050**	**36.468.468.071**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	26.604.120.125	34.675.956.434
- Nguyên giá	222		70.237.040.300	76.343.342.625
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(43.632.920.175)	(41.667.386.191)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.688.612.925	1.792.511.637
- Nguyên giá	228		2.487.752.837	2.487.752.837
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(799.139.912)	(695.241.200)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**41.879.102.445**	**36.094.999.248**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		41.879.102.445	36.094.999.248
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**80.242.852.037**	**71.742.852.037**
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.242.852.037	71.742.852.037
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.086.698.535**	**1.525.709.845**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		140.503.849	579.515.159
4. Tài sản dài hạn khác	268		946.194.686	946.194.686
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**344.469.543.009**	**585.802.270.028**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**309.812.151.055**	**551.972.202.083**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**306.973.151.055**	**548.254.202.083**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	171.247.048.835	353.484.550.013
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	29.841.651.726	71.678.573.574
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	426.186.984	32.932.854.825
4. Phải trả người lao động	314		1.072.250.703	1.736.737.679
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.339.992.470	1.049.833.110
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		7.756.341.087	7.527.402.443
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	95.196.786.160	79.751.357.349
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		92.893.090	92.893.090
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.839.000.000**	**3.718.000.000**
1. Phải trả dài hạn khác	337		173.000.000	230.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		2.666.000.000	3.488.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**34.657.391.954**	**33.830.067.945**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**14**	**34.657.391.954**	**33.830.067.945**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.816.000.000	42.816.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.816.000.000	42.816.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(617.000.000)	(25.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.013.943.667	9.013.943.667
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.706.825.080	1.706.825.080
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		160.601.619	160.601.619
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.422.978.412)	(19.842.302.421)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19.842.302.421)	(11.121.285.039)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.419.324.009	(8.721.017.382)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**344.469.543.009**	**585.802.270.028**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phan Xuân Sơn Giám đốc

Ngày 19 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	15	**245.375.337.251**	**1.090.171.593.928**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.002.727	1.000.400.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	**10**		**245.357.334.524**	**1.089.171.193.928**
4. Giá vốn hàng bán	11	16	234.158.737.618	1.066.208.143.523
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**11.198.596.906**	**22.963.050.405**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.670.177	80.657.483
7. Chi phí tài chính	22		2.306.657.187	4.071.229.855
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		9.131.326.086	19.016.536.200
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		5.215.072.871	7.675.772.918
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(5.449.789.061)**	**(7.719.831.085)**
11. Thu nhập khác	31		23.437.082.273	7.446.289.583
12. Chi phí khác	32		16.567.969.203	8.447.475.880
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**6.869.113.070**	**(1.001.186.297)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1.419.324.009**	**(8.721.017.382)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**1.419.324.009**	**(8.721.017.382)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phan Xuân Sơn Giám đốc

Ngày 19 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***1.419.324.009***	***(8.721.017.382)***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.069.432.696	(502.814.124)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.670.177)	(80.657.483)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu	***08***	***3.484.086.528***	***(9.304.488.989)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	225.315.178.070	(321.066.906.217)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.736.907.751	4.352.831.851
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(252.139.559.437)	345.800.874.329
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	946.481.898	1.001.540.458
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.643.920.402)	(4.068.541)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(592.000.000)	(5.253.255.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(5.892.825.592)***	***15.526.527.604***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.784.103.197)	(39.108.961.849)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.106.302.325	14.905.262.909
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	2.540.666.667
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.500.000.000)	(4.100.000.000)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.670.177	80.657.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(8.173.130.695)***	***(25.682.374.790)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
2. Tiền thu từ đi vay	33	143.058.647.815	152.970.859.850
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(128.435.219.004)	(145.940.247.526)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***14.623.428.811***	***7.030.612.324***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**557.472.524**	**(3.125.234.862)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.527.698.330**	**4.652.933.192**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**2.085.170.854**	**1.527.698.330**

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

Phan Xuân Sơn
Giám đốc
Ngày 19 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 2900324579 ngày 25/04/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp, và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 25/05/2017.

Theo Giấy chứng nhân đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9, vốn điều lệ của Công ty là 42.816.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh chính: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính .

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại thời điểm 31/12/2017 tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 114.004.994.113 VND (tại 01/01/2017 là 108.283.961.256 VND), đồng thời số lỗ lũy kế là 18.422.978.412 VND (chiếm 43,03% vốn điều lệ của Công ty), điều này cho thấy việc mất cân đối về thanh toán nợ ngắn hạn, ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Ban Giám đốc cũng khẳng định, trong những năm tới Công ty tập trung sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hàng năm sẽ đủ bù đắp khoản lỗ lũy kế và tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh bình thường.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính :

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2017 Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.398.930.525	778.137.844
Tiền gửi ngân hàng	686.240.329	749.560.486
Cộng	**2.085.170.854**	**1.527.698.330**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo	**400.000.000**	**400.000.000**	**400.000.000**	**400.000.000**
Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	***110.903.276.253***	***30.777.215.831***
Công ty cổ phần công nghệ 3T & Net	572.000.000	572.000.000
Công ty cổ phần thiết bị phụ tùng Cao Thăng	4.981.581.207	4.981.581.207
Công ty CP Dinh Dưỡng Hồng Hà	14.113.343.790	-
Công ty TNHH Kim Đại Phát	260.389.500	2.092.501.000
Công ty CP Mê Kong Hậu Giang	1.869.000.000	1.869.000.000
DNTN Tân Hải Nam	1.194.185.614	1.194.185.614
Công ty cổ phần hóa chất công nghiệp Tân Long	68.950.302.070	-
Công ty TNHH đầu tư công nghệ Tmt	9.762.953.150	9.762.953.150
Các khoản phải thu khác	9.199.520.922	10.304.994.860

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	***63.986.320.864***	***72.732.924.090***
Công ty CP XNK Cao Thăng	-	5.379.515.071
Công ty CP hoá chất công nghiệp Tân Long	54.847.542.200	54.847.542.200
Công ty Cp khai thác & XNK khoáng sản Thiên Long	6.886.786.852	9.822.585.740
Các khoản trả trước khác	2.251.991.812	2.683.281.079

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	780.920.299	-	704.668.341	-
Thành phẩm	5.570.388.725	-	2.855.049.843	-
Hàng hóa	2.084.711.703	-	26.613.210.294	-
Cộng	**8.436.020.727**	**-**	**30.172.928.478**	**-**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND		VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
- Số dư đầu năm	12.680.228.183	48.705.473.627	14.289.418.375	668.222.440	76.343.342.625
- Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Số giảm trong năm	6.106.302.325	-	-	-	6.106.302.325
- Số dư cuối năm	18.786.530.508	48.705.473.627	14.289.418.375	668.222.440	70.237.040.300
Giá trị đã hao mòn lũy kế					
- Số dư đầu năm	6.242.685.167	24.628.498.325	10.467.225.787	328.976.912	41.667.386.191
- Số tăng trong năm	871.368.119	2.524.201.185	2.114.685.264	51.488.387	5.561.742.955
- Số giảm trong năm	3.596.208.971	-	-	-	3.596.208.971
- Số dư cuối năm	10.710.262.257	27.152.699.510	12.581.911.051	380.465.299	43.632.920.175
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	**6.437.543.016**	**24.076.975.302**	**3.822.192.588**	**339.245.528**	**34.675.956.434**
- Tại ngày cuối năm	**8.076.268.251**	**21.552.774.117**	**1.707.507.324**	**287.757.141**	**26.604.120.125**

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	***171.247.091.935***	***353.484.550.013***
CNcông ty CP hóa chất CN tân long tại Đồng tháp	11.316.994.190	-
Công ty CP Logistics Hong Kong	500.139.980	14.500.117.260
Công ty CP Nhật Việt	2.136.706.000	4.939.106.000
Tổng công ty rau quả nông sản - Công ty CP	127.286.600.000	
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	20.326.789.230	31.643.783.420
Công ty TNHH MTV An Thuận Hòa	-	295.000.330.000
Các khoản phải thu khác	9.679.819.435	7.401.213.333

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	***29.841.651.726***	***71.678.573.574***
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Phúc Thịnh	5.507.841.160	5.507.841.160
Công ty CP bột đá vôi trắng siêu mịn Nghệ An	20.246.630.958	22.012.773.106
CN Cty CP Hóa chất CN Tân Long tại Đồng Tháp	3.194.825.000	2.651.150.000
Công ty cổ phần hóa chất công nghiệp Tân Long	-	37.351.617.950
Công ty Cp khai thác và XNK khoáng sản thiên long	-	2.848.056.433
Các khoản người mua trả trước khác	892.354.608	1.307.134.925

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	**95.146.786.160**	**95.146.786.160**	**125.819.219.004**	**141.214.647.815**	**79.751.357.349**	**79.751.357.349**
Trần Văn Quế	50.000.000	-	-	50.000.000	-	-
Đậu Thị Hạnh	13.371.963.000	13.371.963.000	-	-	13.371.963.000	13.371.963.000
Công ty CP muối Nghệ An	20.650.000.000	20.650.000.000	50.000.000	6.400.000.000	14.300.000.000	14.300.000.000
Vay USD Ngân hàng ngoại thương - CN Bắc Hà Tĩnh	-	-	9.654.866.999	-	9.654.866.999	9.654.866.999
Công ty cổ phần hóa chất công nghiệp Tân Long	52.337.501.260	52.337.501.260	-	43.337.501.260	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay VND ngân hàng VCB bắc Hà Tĩnh	8.787.321.900	8.787.321.900	116.114.352.005	91.477.146.555	33.424.527.350	33.424.527.350
b) Vay dài hạn	**2.266.000.000**	**872.000.000**	**2.616.000.000**	-	**3.488.000.000**	**3.488.000.000**
Vay VND ngân hàng VCB bắc Hà tĩnh	872.000.000	872.000.000	2.616.000.000	-	3.488.000.000	3.488.000.000
Đậu Văn Chinh	1.394.000.000		400.000.000	1.794.000.000		

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	183.126.372	4.212.947.616	4.194.748.542	201.325.446
Thuế xuất, nhập khẩu	-	65.229.471	65.229.471	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.643.920.402	-	4.643.920.402	-
Thuế thu nhập cá nhân	224.760.870	28.533.978	246.359.555	6.935.293
Thuế tài nguyên	619.321.175	1.610.123.299	2.217.069.845	12.374.629
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	51.909.653	804.796.212	856.705.865	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	27.209.816.353	3.791.419.329	30.795.684.066	205.551.616
Cộng	**32.932.854.825**	**10.520.049.905**	**43.026.717.746**	**426.186.984**
				-
b) Phải thu				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	12.067.449	12.067.449
Cộng	**-**	**-**	**12.067.449**	**12.067.449**

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Các khoản mục khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2017	**42.816.000.000**	**(19.842.302.421)**	**10.881.370.366**	**33.855.067.945**
Tăng vốn trong năm	42.816.000.000	-	-	42.816.000.000
Lãi / (lỗ) trong kỳ năm	-	1.419.324.009	-	1.419.324.009
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-
Giảm khác		-	592.000.000	592.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2017	**42.816.000.000**	**(18.422.978.412)**	**10.289.370.366**	**34.682.391.954**

15. DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	245.375.337.251	1.090.171.593.928
Cộng	**245.375.337.251**	**1.090.171.593.928**

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	234.158.737.618	1.066.208.143.523
Cộng	**234.158.737.618**	**1.066.208.143.523**

17. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau niên độ kế toán, ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K - Chi nhánh Miền Bắc

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phan Xuân Sơn Giám đốc Công ty

Ngày 19 tháng 03 năm 2018